

CHƯƠNG 2: NGHIỆP BẤT TỊNH

Giải thích: Nếu người bác bỏ không có bản thức, thì người đó không có đạo lý có thể thành lập nghĩa của nghiệp nhiễm ô.

Luận nói: Lại nữa, nghiệp nhiễm ô tại sao không được thành? Duyên hành sinh thức phần, nghĩa này không được thành.

Giải thích: Hành có ba phẩm, là phước, phi phước và bất động. Niệm niệm sinh diệt, nếu là bản thức thì công năng của nó an lập chỗ nào? Nếu ông nói an lập trong sáu thức, thì nghĩa đó không đúng, vì sáu thức không thể nhiếp trì công năng của các nghiệp. Trong phiên thảo nhiễm ô nói ở trước đã chỉ rõ nghĩa này đầy đủ.

Luận nói: Nếu không có nghĩa này, thì không thành nghĩa duyên thủ sinh hữu, nghiệp nhiễm ô không thành.

Giải thích: Nếu không có thức công năng của nghiệp, nghĩa là Hành duyên thức, duyên thủ sinh hữu, thì không có đạo lý để được thành. Tại sao vậy? Thức này là sở huân của ba hành, vì tùy theo bốn thủ, do huân tập viên mãn cho nên thức trở thành hữu, thức này hoặc là diệt mất hoặc bị thức khác làm cho gián đoạn, thì thể của thức này đã mất, công năng cũng tùy theo đó mà diệt. Sẽ an lập ở đâu? Hành này có hai công năng của nghiệp, cho nên nghiệp nhiễm ô không thành. Nói nhiễm ô là nghiệp này cùng với phiên thảo tương ứng cho nên gọi là nhiễm ô. Lại nữa, từ nhiễm ô sinh cho nên gọi là nhiễm ô, có khả năng cảm quả báo nhiễm ô trong sáu đường sinh tử cho nên gọi là nhiễm ô.

CHƯƠNG 3: SINH BẤT TÍNH

Giải thích: Nếu lìa bản thức sinh nhiễm ô thì không có đạo lý đó, nghĩa này không thành. Nay sẽ nói đến.

Luận nói: Lại nữa, thế nào là sinh nhiễm ô, nghĩa này không thành tức kết sinh không thành.

Giải thích: Sự sống này nếu mất thì do công năng của nghiệp, kết với hậu báo tiếp với tiền báo, nghĩa này không thành tự. Tại sao vậy?

Luận nói: Nếu người đối với bất tính địa có tâm thoái đạo, thì khi đang ở tại trung ấm, khởi ý thức nhiễm ô mới được thọ sinh.

Giải thích: Bất tính địa thoái lui đời trước mà đạo đời sau cho nên gọi là thoái đạo. Thọ sinh có hai thứ, một là hoặc có thân trung ấm, hai là hoặc không có thân trung ấm. Nay nói riêng việc thọ trung ấm, nếu đang khi trung ấm sắp sửa thọ sinh, trước hết phải khởi thức nhiễm ô thì mới được thọ sinh.

Luận nói: Thức nhiễm ô này diệt mất trong thân trung ấm.

Giải thích: Nhiễm ô thức của trung ấm này, duyên sinh hữu làm cảnh, thức này diệt trong thân trung ấm. Tại sao vậy? Vì sinh ấm không có nhiễm ô.

Luận nói: Thức đó nương vào Kha-la-la, biến hợp trong thai mẹ mà thọ sinh.

Giải thích: Thức đó tức là ý thức, vì trong một thời kỳ cùng với Kha-la-la tương ứng, cho nên nói là nương vào Kha-la-la. Quả báo thức này khác với nhiễm ô thức trước cho nên nói là biến. Do công năng của nghiệp đời trước khởi gió nổi lên, hòa hợp với màu đỏ trắng (tinh cha, huyết mẹ) khiến cho đồng với thức cho nên gọi là hợp. Gọi đó là thọ sinh.

Luận nói: Nếu chỉ có ý thức biến thành y chỉ của Kha-la-la, thì ý thức này trong thai mẹ có ý thức khác khởi, không có nghĩa như vậy.

Giải thích: Nếu ông chấp thức này nhập vào Kha-la-la thường chỉ là ý thức, thì nếu căn, trần, ý thức sinh khởi, thì cùng với ý thức kia là đồng hay là khác? Nếu nói đồng thì khi thức này mất, Kha-la-la liền hoại diệt. Nếu bất đồng thì không nên gọi là ý thức. Tại sao vậy? Vì ý thức lấy chung thức của ba tánh làm căn, còn thức này thì chỉ lấy nhiễm ô thức làm căn. Ý thức duyên ba đời làm cảnh, cảnh giới của thức này thì không thể biết. Ý thức có khi hưng có khi phế, thức này thì hằng hữu không có phế cho nên không đồng với ý thức. Lại nữa, nếu đồng thì trong địa vô thức phải không có thức này. Nếu không có thức này,

thì không nên nói nhập vô tâm định thức không rời thân. Lại nữa, nếu không có thức thì thân phải hoại, cho nên không thể nói thức này là ý thức. Nếu ông nói ý thức này không thể phân biệt, căn trần sinh khởi y chỉ thức này, và trong thai mẹ riêng sinh ra ý thức, thì nghĩa đó không đúng. Tại sao vậy?

Luận nói: Trong thai mẹ, hai ý thức cùng khởi một lúc thì không có nghĩa như vậy.

Giải thích: Đây là nói để chứng minh nghĩa không có ý thức ở trên. Vì hai ý thức đồng tánh thì chắc chắn không cấu sinh, vì không cùng tác ý. Ý thức này nương vào Kha-la-la, cùng với đở trắng hoà hợp chung chỗ y chỉ, thức này có riêng ý thức khác sinh, cùng khởi một lúc, thì thức của Kha-la-la này không thành ý thức. Tại sao vậy? Vì luôn lấy nhiệm ô thức làm y chỉ. Thức được y chỉ (sở y) này bị nhiễm bởi dục v.v... duyên mà khởi lên cảnh sinh hữu. Thức năng y chỉ đã là quả báo thì chỉ có tánh vô ký. Cảnh sở duyên lại cũng không thể biết, nên không thể lập làm ý thức. Nếu lập cảnh sở duyên này làm ý thức thì không có nghĩa cùng khởi. Nếu có cùng khởi thì phải đồng với liễu biệt, phải đồng diệt vô. Nếu đồng liễu biệt không có diệt tâm định, thì một liễu biệt tâm diệt mất, một liễu biệt tâm còn. Nếu đồng diệt vô thì không có công dụng tự nhiên Niết-bàn, vì tâm không khởi lại nữa.

Luận nói: Ý thức đã biến dị.

Giải thích: Thức mới thọ sinh đã biến dị thành Kha-la-la.

Luận nói: Không thể thành lập làm ý thức.

Giải thích: Gồm có ba nghĩa, không thể lập thức thọ sinh ban đầu làm ý thức.

Luận nói: Vì y chỉ không thanh tịnh.

Giải thích: Ý thức từ tâm của ba tánh sinh ra, thức thọ sinh ban đầu thì chắc chắn từ nhiễm ô thức sinh ra, tức là chỗ y chỉ không thanh tịnh.

Luận nói: Nó duyên cảnh thời kỳ lâu dài.

Giải thích: Thức thọ sinh ban đầu từ đầu đến cuối duyên cảnh không bỏ phế. Ý thức duyên cảnh thì dễ mất bất định.

Luận nói: Cảnh sở duyên không thể biết.

Giải thích: Cảnh mà thức thọ sinh ban đầu duyên là không thể biết. Ý thức duyên cảnh ba đời và cảnh không thuộc ba đời, thì ý thức này có thể biết. Do ba nghĩa này khác nhau, cho nên không thể lập làm ý thức.

Luận nói: Hoặc ý thức này đã biến dị.

Giải thích: Nếu ý thức thọ sinh đã cùng với đở trắng hoà hợp

thì biến thức trước thành thức sau, thì tất nhiên thức sau khác với thức trước.

Luận nói: Lúc đó ý thức trở thành Kha-la-la.

Giải thích: Do thành Kha-la-la cho nên biến dị.

Luận nói: Thức này là chủng tử của tất cả pháp làm y chỉ cho thức này sinh các thức khác, và làm chủng tử của tất cả pháp.

Giải thích: Là phải lấy thức thọ sinh làm chủng tử của tất cả pháp. Nó làm chỗ tựa để cho các thức sinh, làm chủng tử của tất cả pháp.

Luận nói: Nếu ông chấp thức đã biến dị là Nhất thiết chủng tử thức, tức là A-lê-da thức, thì ông tự lấy tên riêng mà thành lập cho là ý thức.

Giải thích: Nếu ông chấp thức thọ sinh làm thức của chủng tử, thì giống với nghĩa mà tôi đã nói, tức là nói A-lê-da thức làm chủng tử thức, nhưng ông tự không nói A-lê-da thức, mà lập riêng gọi là ý thức.

Luận nói: Hoặc ông chấp thức năng y chỉ là Nhất thiết chủng tử thức.

Giải thích: Y chỉ thức thọ sinh, lại sinh ra thức khác thì gọi là năng y chỉ thức, làm Nhất thiết chủng tử thức.

Luận nói: Cho nên, thức này do y chỉ mà thành nhân cho cái khác.

Giải thích: Biệt thức đã từ cái khác sinh ra, thì không thể tự làm chủng tử, cho nên thức này do y chỉ thức thọ sinh mới thành chủng tử mà được làm nhân cho cái khác.

Luận nói: Thức sở y chỉ này, nếu không phải Nhất thiết chủng tử thức, thì năng y chỉ gọi là Nhất thiết chủng tử thức. Nghĩa đó không thành.

Giải thích: Biệt thức không thể tự làm chủng tử, do nương vào nhân khác mà được thành chủng tử, sở y thức thọ sinh không phải chủng tử, thì thức năng nương tựa lập làm chủng tử thức, nghĩa này lẽ nào mà thành được !

Luận nói: Cho nên thức này gửi sinh biến dị thành Kha-la-la, nên không phải là ý thức.

Giải thích: Thức này tức là A-lê-da thức, nó không được gọi là ý thức.

Luận nói: Chỉ là quả báo, cũng là tất cả chủng tử. Nghĩa này được thành.

Giải thích: Từ chủng tử sinh ra, cho nên gọi là quả báo thức, có khả năng nhiếp trì chủng tử, nên cũng gọi là chủng tử thức. Nếu nói

nghĩa như vậy mới được thành.

Luận nói: Lại nữa, nếu chúng sinh đã thác sinh, có khả năng nắm giữ các sắc căn khác, lìa quả báo thức thì không thể được.

Giải thích: Trước đã thuyết minh nghĩa chính khi thọ sinh, bây giờ thuyết minh nghĩa sau khi thọ sinh. Trước đã thuyết minh chúng sinh đang trong thai, bây giờ thuyết minh chúng sinh xuất thai. Nói chúng sinh đã thác sinh, nếu chúng sinh đã thác sinh, thì quyết định có ba nghĩa: 1. Chấp trì không bỏ phế. 2. Nhiếp trì chung các căn. 3. Thể là quả báo vô ký. Nếu lìa A-lê-da thức thì ba nghĩa này không thể được thành.

Luận nói: Vì sao? Vì các thức khác quyết định có y chỉ riêng

Giải thích: Vì muốn dẫn đạo lý để chứng minh cho nên nói vì sao. Trong sáu thức, tùy mỗi một thức mà gọi các thức còn lại là các thức khác. Nhân thức quyết định lấy nhân căn làm y chỉ, cho đến thân thức quyết định lấy thân căn làm y chỉ, thuyết minh sự y chỉ khác biệt để chỉ rõ không thể chấp trì chung.

Luận nói: Kiên trụ không lâu.

Giải thích: Trong năm thức, tùy căn sở y của tự mỗi thức nếu có thể chấp trì, thì thức này không kiên trụ lâu, vì tương tục dễ hoại, hoặc trong địa vô thức cho nên hoại, hoặc các thức khác gián đoạn khởi cho nên hoại.

Luận nói: Nếu sắc căn này không có chấp trì, thì cũng không được thành.

Giải thích: Như sắc căn của người chết không có thức chấp trì thì liền rã hoại. Nếu lìa thức chấp trì thì các căn cũng phải như vậy. Nghĩa này không thành.

Luận nói: Lại nữa, thức này và danh sắc lại nương lẫn nhau ví như bó lau nương nhau cùng đứng, thức này không thành.

Giải thích: Trong Kinh, Phật Thế Tôn nói: Thức nương vào danh sắc mà sinh, danh sắc nương vào thức mà sinh, gọi đó là bốn ấm phi sắc. Sắc tức là Kha-la-la, thì cái nào nương vào danh sắc? Thức do danh sắc này làm y chỉ, sát-na truyền sinh tương tục, lưu chuyển không dứt, có thể nhiếp giữ danh sắc khiến cho thành tựu không hoại. Thức này gọi là nương vào danh sắc. Thức nếu phế bỏ, không có bản thức, lấy sáu thức làm thức thì nghĩa này không thành. Nếu lìa A-lê-da thức, thì trong sáu thức là chỉ thức nào? Câu hỏi này muốn chỉ rõ cái gì? Là muốn chỉ rõ các thức khác không thành thức thực sự.

Luận nói: Lại nữa, nếu lìa quả báo thức, thì tất cả cầu sinh (trung ấm) đã sinh chúng sanh với thức thực không thành.

Giải thích: Câu nói này muốn chỉ rõ bản thức, có thể tạo thành thức thực của danh sắc chúng sanh. Tại sao? Vì Phật Thế Tôn nói: Thực có bốn thứ, vì cầu sinh đã sinh chúng sinh, tương tục được trụ. Nên nói bốn loại thực, Những gì là bốn? 1. Đoạn thực. 2. Xúc thực. 3. Tư thực. 4. Thức thực. Đoạn thực lấy sự biến thành làm tướng. Tại sao vậy? Đoạn thực này nếu biến dị thì có thể làm các sự lợi ích của thân, đó gọi là đoạn thực. Xúc thực là nương vào trần làm tướng. Do duyên các trần của sắc, có thể làm sự lợi ích cho thân, đó gọi là xúc thực. Tư thực là cầu đắc làm tướng, ý cầu đắc này có thể làm sự lợi ích cho thân, như người đói khát đến nơi ăn uống, cầu được ăn uống, khiến cho thân không chết, đó gọi là Tư thực. Thức thực là chấp trì làm tướng. Do thức này chấp trì thân cho nên trụ không hoại. Nếu không có thức chấp trì thân đồng như người chết, tức là hoại rã, đó gọi là Thức thực. Cho nên các ông cũng phải tin thọ nghĩa của thức thực như vậy, để có thể làm sự lợi ích cho thân. Do đó gọi trong bốn loại thực này thì xúc thực thuộc sáu thức; tư thực thuộc ý cầu đắc, đoạn thực thuộc sắc không quan hệ với tâm. Thức thực trong ba nghĩa thì thuộc nghĩa nào? Nếu ông không nói có A-lê-da thức, thì nương vào thức nào để nói thức thực này. Lại nữa, như người trong cơn ngủ say, không mộng và tâm mê ngất, sáu thức đã diệt; nhập diệt tâm định thì sáu thức đã diệt. Lại nữa, không có ba thứ đoạn thực, xúc thực và tư thực, pháp nào giữ thân khiến cho không hoại? Nếu không có A-lê-da thức chấp trì thì thân này sẽ hoại, cho nên biết chắc phải lấy A-lê-da thức làm thức thực.

Luận nói: Tại sao vậy? Nếu lia quả báo thức, trong nhãn thức... Tuy có một thức tạo thành sự thực (ăn) của chúng sinh thọ sinh trong ba cõi, thì không thấy có công năng.

Giải thích: Nếu lia bản thức mà trong sáu thức tùy một thức, chúng sinh đã thọ sinh trong ba cõi thì không thấy thức này có công năng để có thể khởi sự ăn uống (Tác thực sự). Cho nên biết rằng các thức khác làm thức thực thì nghĩa này không thành.

Luận nói: Nếu người từ đời này chết sinh Tịnh địa cõi trên, do ý thức tán động nhiễm ô đối với chỗ thọ sinh kia.

Giải thích: Trong Tịnh địa lia bản thức thọ sinh thì nghĩa này không thành. Như người thọ sinh thì chắc chắn là do tâm nhiễm ô. Nếu thọ sinh vào Tịnh địa, thì ắt do tâm nhiễm ô tán loạn. Nhiễm ô là bị hoặc của tịnh địa làm nhiễm ô. Hoặc này tương thế nào mà thọ tướng (ăn) vị của định? Hoặc này nhất định tại Tịnh địa. Nếu người từ tán địa mà chết, dùng tâm tán loạn cõi dưới, thọ sinh vào cõi trên, thì không có

nghĩa đó. Tại sao vậy? Hễ thọ sinh là do tâm tán loạn. Nếu lìa bản thức thì thức tán loạn này không thể được. Nếu người là người lìa dục, thì từ cõi Dục này sinh lên cõi Sắc và Vô sắc. Nhiễm ô tức là trung ấm tâm, khởi hoặc của cõi trên. Tán loạn tức là thức chánh thọ sinh. Thọ sinh nơi kia, tức là phương tiện sinh và chánh sinh.

Luận nói: Thức nhiễm ô tán loạn này, trong tỉnh địa lìa quả báo thức. Nếu có chủng tử khác thì nghĩa này không thành.

Giải thích: Nếu thọ chính sinh thì ắt có đủ bốn nghĩa: 1. Lấy nhiễm ô làm căn. 2. Tán động làm vị. 3. Quả báo làm thể. 4. Chủng tử hữu dư làm công năng. Nếu lìa bản thức thì bốn nghĩa này không thể được. Phải tin có A-lê-da thức, tại sao vậy? Vì Tỉnh địa tâm huân tập trong thức này, từ vô thủy đến nay còn thừa chưa hết. Do công năng trong Tỉnh địa này có chủng tử, tán động, quả báo thức đối với nơi đó thọ sinh.

Luận nói: Lại nữa, nếu chúng sinh sinh vào cõi Vô sắc.

Giải thích: Đây là chỉ rõ đã giải thoát cõi Sắc.

Luận nói: Lìa Nhất thiết chủng tử quả báo thức.

Giải thích: Bản thức hoặc không có, hoặc thật có, ông bác rằng không có, cho nên gọi là lìa xa.

Luận nói: Nếu sinh nhiễm ô tâm và thiện tâm.

Giải thích: Nếu trong định khởi tâm nhiễm ô thọ tướng vị định, hoặc tâm thiện hữu lưu của địa trên.

Luận nói: Không có chủng tử này cùng y chỉ hai thức nhiễm ô và thiện đều không được thành.

Giải thích: Không có chủng tử nghĩa là vô nhân. Do không có nhân cho nên không có y chỉ. Lại nữa, nếu không có chủng tử thì đó là vô nhân. Nếu không có nhân thì từ đâu mà sinh, nếu không có y chỉ? Thế nào là tương tục được trụ, tại sao vậy? Hai tâm này do bản thức gồm thấu, cho nên từ tự chủng tử sinh. Vì y chỉ bản thức cho nên được tương tục trụ.

Luận nói: Đối với vô Sắc giới nếu khởi tâm vô lưu, tâm thế gian còn sót đã diệt hết, thì phải vứt bỏ đối với đạo này.

Giải thích: Nếu người đã thọ sinh vào cõi Vô sắc, khởi xuất thế tâm, thì tâm thế gian ắt diệt hết. Nếu lìa bản thức thì phải xả báo cõi Vô sắc, không do công dụng liền nhập vô dư Niết-bàn. Đã không có nghĩa này, cho nên không thể bác rằng không có thức này.

Luận nói: Nếu chúng sinh sinh trong Phi tướng phi phi tướng, khởi bất dụng xứ tâm và tâm vô lưu, thì liền xả hai Xứ.

Giải thích: Nếu Thánh nhân sinh trời Phi tướng phi phi tướng, có

khi nương vào bất dụng xứ địa khởi tâm vô lưu, vì bất dụng xứ tâm sáng tỏ, Phi tướng phi phi tướng xứ tâm thì mờ tối. Do hiểu rõ địa người này tu tâm vô lưu. Nếu đắc tâm vô lưu thì liền xả hai địa Phi tướng phi phi tướng và bất dụng xứ.

Luận nói: Vì sao tâm vô lưu là xuất thế tâm, Phi tướng phi phi tướng đạo không phải y chỉ của nó, bất dụng xứ đạo cũng không phải y chỉ của nó?

Giải thích: Đạo thứ nhất và đạo thứ hai là thế gian pháp, không được làm y chỉ cho tâm vô lưu. Ai sinh vào địa khác, thì riêng lấy tâm của địa khác. Hai địa này cũng không phải tâm này y chỉ. Tại sao vậy? Vì tâm này hiểu rõ, không y chỉ đạo thứ nhất, vì đã xả đạo thứ hai, đạo thứ hai cũng không được làm y chỉ cho tâm vô lưu.

Luận nói: Thăng đến Niết-bàn cũng không phải y chỉ.

Giải thích: Do có tâm vô lưu còn sót phiền não nên ba nghĩa này thuyết minh y chỉ đã không thành. Nếu lìa bản thức thì tâm vô lưu y chỉ pháp nào ?

Luận nói: Lại nữa, như người đã tạo thiện nghiệp và ác nghiệp.

Giải thích: Nếu người trong thế gian, tạo... mười nghiệp thiện bất sát sinh, thì quyết định phải được sinh quả báo nhân thiên. Nếu tạo mười nghiệp ác sát sinh, thì phải bị sinh quả báo trong bốn cõi ác.

Luận nói: Chính khi xả thọ mạng nếu lìa A-lê-da thức, hoặc cõi trên hoặc cõi dưới thứ tự y chỉ, thì cảm xúc sỡ vào thân lạnh không được thành.

Giải thích: Người đó trong lúc chết, nếu có nghiệp thiện thì quyết định được hưởng thượng, nếu có nghiệp ác thì quyết định phải sinh cõi dưới. Nếu ông không tin có bản thức, tại sao thân y chỉ này hoặc có cảm xúc sỡ vào thân lạnh ở dưới, lạnh ở trên, thứ tự được thành? Nếu không có bản thức, thì làm sao được thành bản thức để có thể chấp trì năm căn? Bản thức nếu xả thì thân y chỉ tùy theo chỗ của thức xả mà cảm xúc sỡ vào thân lạnh thứ tự được khởi ngay chỗ xả ấy thành thân chết.

Luận nói: Cho nên sinh nhiễm ô, lìa quả báo thức của tất cả chủng tử, thì không thể được lập.

Giải thích: Sinh nhiễm ô tức là sự thọ sinh được sinh, y chỉ chấp trì là nhân quả nhiễm ô, gọi chung là nhiễm ô. Lại nữa, sinh tử đối lập với Niết-bàn, cho nên gọi là nhiễm ô. Bản thức là Tập đế cho nên gọi là chủng tử. Vì là Khổ đế nên gọi là quả báo. Làm nhân cái khác cho nên gọi là chủng tử. Quả cái khác cho nên gọi là quả báo. Nếu lìa thức này sinh nhiễm ô, thì nghĩa này không thành.